BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

HUYỆN DUYÊN HẢI - TỈNH TRÀ VINH

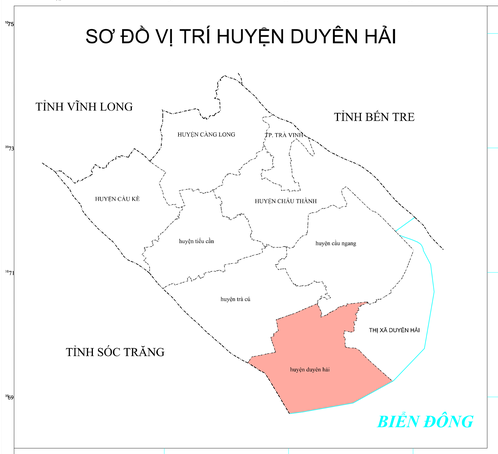

HUYỆN CẦU NGANG

HUYỆN TRÀ CÚ

THỊ XÃ DUYÊN HẢI

TỈNH SÓC TRĂNG

BIỂN ĐÔNG

B

CHÚ DẪN

Diễn giải	Ký hiệu			
	Hiện trạng	Quy hoạch		Kế hoạch năm 2025
		Cấp trên phân bổ	Cấp huyện xác định	
I. Đất nông nghiệp				
Đất trồng lúa	LUA	mã HT LUA	mã KH LUA	
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã HT LUC	mã KH LUC	
Đất trồng lúa nước còn lại	LUK			
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		mã KH HNK	2025 HNK CLN
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN	mã KH CLN	
Đất rừng phòng hộ	RPH	mã HT RPH	mã KH RPH	2025 TSNG RPH
Đất rừng sản xuất		mã HT RSX	mã KH RSX	2025 TSNG RSX
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		mã KH NTS	2025 TSN NTS
Đất chăn nuôi tập trung	CNT	mã HT CNT	mã KH CNT	2025 TSN CNT
Đất làm muối	LMU		mã KH LMU	
Đất nông nghiệp khác	NKH		mã KH NKH	
II. Đất phi nông nghiệp				
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT	mã KH ONT	2025 OTC ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT		2025 OTC ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC	mã KH TSC	2025 TSC CT
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP		2025 TSC CT
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN		2025 TSC CT
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	mã HT DVH	mã KH DVH	2025 DVH CT
Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	mã HT DXH	mã KH DXH	2025 DXH CT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	mã HT DGD	mã KH DGD	2025 DGD CT
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	mã HT DTT	mã KH DTT	2025 DTT CT
Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	mã HT DKH	mã KH DKH	2025 DKH CT
Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	mã HT DMT	mã KH DMT	2025 DMT CT
Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	mã HT DKT	mã KH DKT	2025 DKT CT
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	mã HT DNG	mã KH DNG	2025 DNG CT
Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	mã HT DSK	mã KH DSK	2025 DSK CT
Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	mã HT TSK	mã KH CSK	2025 TSK CT
Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT SKK		2025 SKK CT
Đất cụm công nghiệp		mã HT SKN		2025 SKN CT
Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	mã HT SCT	mã KH SCT	2025 SCT CT
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT TMD	mã KH TMD	2025 TMD CT
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC	mã KH SKC	2025 SKC CT
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		mã KH SKS	
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	mã HT CCC	mã KH CCC	2025 CCC CT
Đất công trình giao thông	DGT	mã HT DGT	mã KH DGT	2025 DGT CT
Đất công trình thủy lợi	DTL	mã HT DTL	mã KH DTL	2025 DTL CT
Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	mã HT DCT	mã KH DCT	2025 DCT CT
Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	mã HT DPC	mã KH DPC	2025 DPC CT
Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	mã HT TDDT	mã KH DDT	2025 TDDT CT
Đất công trình xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA	mã KH DRA	
Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	mã HT DNL	mã KH DNL	2025 DNL CT
Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	mã HT DBV	mã KH DBV	2025 DBV CT
Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH		mã KH DCH	
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV		mã KH DKV	
Đất tôn giáo	TON	mã HT TON		2025 TDS TON
Đất tín ngưỡng	TIN		mã KH TIN	2025 TDS TIN
Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	mã HT NTD	mã KH NTD	
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON			
Đất phi nông nghiệp khác	PNK		mã KH TNC	
II.Đất chưa sử dụng	CSD	CSD		

Diện tích, cơ cấu sử dụng đất năm 2025

(Tổng diện tích tự nhiên 31.373,39 ha)

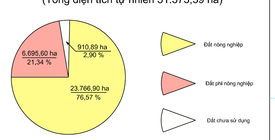

IV. Các ký hiệu khác

Diễn giải	Ký hiệu	
	Hiện trạng	Quy hoạch
Địa giới tỉnh		
Địa giới huyện		
Địa giới xã		
Đê và nửa theo tỷ lệ		
Quốc lộ	Quốc lộ 53	Quốc lộ 53
Đường tỉnh	Đường tỉnh 914	Đường tỉnh 914
Đường liên xã		
Đường liên xã vẽ nửa theo tỷ lệ		
Đường đất vẽ nửa theo tỷ lệ		
Sông, rạch		
Kênh, mương		
Ranh giới khu bảo tồn		
Ranh giới khu du lịch		
Ranh giới đất đô thị		
Ranh giới khu dân cư nông thôn		
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp		
Ranh giới đất khu kinh tế		
Ranh giới khu phát triển công nghiệp		
Ranh giới khu lâm nghiệp		
Ranh giới khu vực chuyển đổi cơ cấu cây trồng		
Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất	mã HT	mã HT mã KH

Năm ...: Năm kế hoạch
DT: Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch

IV. Các ký hiệu khác (tt)

Diễn giải	Ký hiệu	
	Hiện trạng	Quy hoạch
Cầu bê tông		
Cống		
Trụ sở UBND cấp huyện		
Trụ sở UBND cấp xã		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Chợ		
Đường dây tải điện		
Ranh dự án điện gió		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI	VIỆN NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
Tp. Trà Vinh, Ngày.....tháng.....năm.....	*Tp. Trà Vinh, Ngày.....tháng.....năm.....*	*H. Duyên Hải, Ngày.....tháng.....năm.....*	*Hà Nội, Ngày.....tháng.....năm.....*
CHỦ TỊCH	**GIÁM ĐỐC**	**CHỦ TỊCH**	**VIỆN TRƯỞNG**

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Duyên Hải
- Bản kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Duyên Hải
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Duyên Hải
- Bản đồ địa chính các xã, thị trấn huyện Duyên Hải
- Kết quả điều tra nhu cầu sử dụng đất các xã - thị trấn và các ngành cấp huyện, tỉnh.

TỶ LỆ 1:25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

VIỆN NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN